

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000308 ngày 24 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 08 năm 2009.

Trụ sở được đặt tại KP3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.623.500.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2010 gồm:

- Xí nghiệp May Công nghiệp đặt đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Kho vận và Thương mại dịch vụ An Bình, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình,
- Xí nghiệp Ván ép Tân Mai - Ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu Tân Mai, xã Thanh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp may Đồng Thịnh, KP 2, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Xây dựng Thống Nhất, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến gỗ, ván ép, ván dăm, hàng mộc tinh chế;
- May công nghiệp;
- Mua bán, đại lý ký gửi xăng dầu, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật);
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Mua bán gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp).

### 2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Lê Quý Hồng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Tử Mực	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Văn Sơ	Thành viên
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Thành viên
Ông Quách Văn Đức	Thành viên

(Phần tiếp theo ở trang 2)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Lê Quý Hồng	Giám đốc
Ông Phạm Văn Sơ	Phó Giám đốc
Bà Dương Thị Mỹ Dung	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Trí	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Giám đốc
Bà An Thị Phương	Phó Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

### 6. Ý kiến của Giám đốc

Theo ý kiến của Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010; kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Đồng Nai, ngày 11 tháng 03 năm 2011



LÊ QUÝ HỒNG

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Kính gửi:** Các thành viên Hội đồng quản trị  
Các thành viên ban Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI	
BỘ PHẬN MỘT CỬA	
ĐẾN	Số: 522
(HS)	Ngày: 31/03/11
Chuyển:	

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 26 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Tuy nhiên, ý kiến của chúng tôi bị hạn chế bởi vấn đề sau:

Như đã nêu tại mục 5.9 trên thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm 2010 công ty đã kết chuyển toàn bộ số dư của chi phí lợi thế thương mại vào kết quả kinh doanh trong năm. Nếu công ty phân bổ theo chính sách kế toán đã thực hiện ở các năm trước thì lợi nhuận của công ty sẽ tăng thêm 6.532.507.522 đồng.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2011

  
**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
**TĂNG QUỐC THẮNG**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**  
  
**DIỆC LỆ BÌNH**  
Chứng chỉ KTV số 1714/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>105.169.402.221</b>	<b>63.051.093.273</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>28.565.012.594</b>	<b>26.619.946.135</b>
1. Tiền	111	5.1	2.565.012.594	26.619.946.135
2. Các khoản tương đương tiền	112	5.1	26.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	5.2	<b>53.410.325.280</b>	<b>16.935.434.529</b>
1. Phải thu khách hàng	131		24.225.016.117	10.898.029.281
2. Trả trước cho người bán	132		22.078.835.075	7.312.837.411
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		12.907.640.309	2.221.887.669
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.801.166.221)	(3.497.319.832)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>20.586.776.792</b>	<b>17.595.115.764</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.557.799.534	18.781.692.534
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.971.022.742)	(1.186.576.770)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.607.287.555</b>	<b>1.900.596.845</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	344.431.789
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		618.143.726	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.4	1.989.143.829	1.556.165.056

(Phần tiếp theo trang 05)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>85.518.299.777</b>	<b>81.041.004.157</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>67.772.082.370</b>	<b>67.694.011.633</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.5	45.371.484.937	55.511.023.047
+ Nguyên giá	222		86.571.249.948	106.751.115.434
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.199.765.011)	(51.240.092.387)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227		-	-
+ Nguyên giá	228		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.6	22.400.597.433	12.182.988.586
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	5.7	<b>1.492.715.643</b>	<b>1.723.047.150</b>
+ Nguyên giá	241		4.769.201.859	4.769.201.859
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.276.486.216)	(3.046.154.709)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>16.183.600.000</b>	<b>3.417.900.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.708.600.000	3.417.900.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		6.875.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		5.600.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>69.901.764</b>	<b>8.206.045.374</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	-	8.122.764.247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		69.901.764	83.281.127
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>190.687.701.998</b>	<b>144.092.097.430</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CỤC THUẾ TỈNH ĐỒNG NAI  
BỘ PHẬN MỘT CỬA  
Số: 522  
Ngày: 31/12/2010  
(HS)  
Chuyển:

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.300.513.556</b>	<b>84.245.655.534</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>84.286.674.118</b>	<b>73.358.384.099</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	7.307.588.750	19.777.709.240
2. Phải trả người bán	312	5.11	4.261.112.913	3.770.540.950
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	25.483.793.836	12.483.274.114
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	11.582.955.334	1.930.519.812
5. Phải trả người lao động	315	5.13	22.185.711.224	12.863.409.113
6. Chi phí phải trả	316	5.14	217.954.000	352.356.728
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	4.086.127.589	19.669.780.621
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	9.161.430.472	2.510.793.521
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.013.839.438</b>	<b>10.887.271.435</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	14.250.000.000	10.192.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		282.775.802	214.816.897
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.18	481.063.636	480.454.538
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>91.387.188.442</b>	<b>59.846.441.896</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.19	<b>91.387.188.442</b>	<b>59.846.441.896</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		46.623.500.000	46.623.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		12.807.689.415	10.772.514.476
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.792.700.589	1.757.525.650
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		-	411.500.000
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		28.163.298.438	281.401.771
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>190.687.701.998</b>	<b>144.092.097.430</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		6.061.243.921	6.737.816.603
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		-	-
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2011

**GIÁM ĐỐC**



**LÊ QUÝ HỒNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI****BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	250.620.125.414	151.294.321.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	64.461.000	459.982.118
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		250.555.664.414	150.834.339.051
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	210.071.270.074	128.289.832.059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		40.484.394.340	24.544.506.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.334.296.278	2.104.587.339
7. Chi phí tài chính	22	6.4	3.155.288.330	2.060.277.707
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		1.729.027.272	1.536.611.186
8. Chi phí bán hàng	24		5.462.239.084	4.486.398.056
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.548.794.999	16.419.115.765
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.652.368.205	3.683.302.803
11. Thu nhập khác	31	6.5	56.607.278.478	15.384.671.258
12. Chi phí khác	32	6.6	6.550.860.497	7.698.195.613
13. Lợi nhuận khác	40		50.056.417.981	7.686.475.645
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.708.786.186	11.369.778.448
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	12.991.908.037	2.543.090.412
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		13.379.363	3.514.078
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.703.498.786	8.823.173.958
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.19	8.730	1.892

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2011

**GIÁM ĐỐC****LÊ QUÝ HỒNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		<b>53.708.786.186</b>	<b>11.369.778.448</b>
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		7.277.866.746	6.737.738.669
Các khoản dự phòng	03		3.088.292.361	158.309.564
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		16.002.308	(181.653.006)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(52.573.746.482)	391.466.963
Chi phí lãi vay	06		1.729.027.272	1.536.611.186
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>13.246.228.391</b>	<b>20.012.251.824</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.406.283.309)	(2.460.044.464)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.776.107.000)	8.587.580.232
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		13.004.548.458	(11.386.088.091)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		8.467.196.036	196.836.346
Tiền lãi vay đã trả	13		(2.030.514.505)	(1.125.522.470)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.235.688.646)	(1.391.871.540)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		15.241.525	544.170.564
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(3.410.507.275)	(1.770.983.145)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.874.113.675</b>	<b>11.206.329.256</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(11.887.925.967)	(24.049.943.326)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		20.250.000.000	15.270.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(12.765.700.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	4.029.028.200
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		663.099.241	374.929.893
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.740.526.726)</b>	<b>(4.375.485.233)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1.				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		48.452.533.230	55.841.455.240
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.864.653.720)	(35.271.746.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.776.400.000)	(5.821.540.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(13.188.520.490)</b>	<b>14.748.169.240</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1.945.066.459</b>	<b>21.579.013.263</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>26.619.946.135</b>	<b>5.040.932.872</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>28.565.012.594</b>	<b>26.619.946.135</b>

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

**HUỲNH THỊ THANH VÂN**

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2011

**GIÁM ĐỐC****LÊ QUÝ HỒNG**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

*Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

### **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

#### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tổng hợp Gỗ Tân Mai (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000308 ngày 24 tháng 02 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10 tháng 08 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại KP3, Phường Thống Nhất, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 46.623.500.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31/12/2010 gồm:

- Xí nghiệp May Công nghiệp đặt tại đường số 1, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp Kho vận & Thương mại dịch vụ An Bình, KCN Biên Hòa 1, P. An Bình
- Xí nghiệp Ván ép Tân Mai - ấp Thái Hòa, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp Gỗ xuất khẩu Tân Mai, xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Xí nghiệp May Đồng Thịnh, KP2, P. Thống Nhất, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Xí nghiệp Xây dựng Thống Nhất, P. Thống Nhất, Biên Hòa, Đồng Nai

#### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến gỗ, ván ép, ván dăm, hàng mộc tinh chế;
- May công nghiệp;
- Mua bán, đại lý ký gửi xăng dầu, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất độc hại mạnh);
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;
- Kinh doanh cơ sở hạ tầng;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, văn phòng (chỉ hoạt động khi có giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật)
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ xuất, nhập khẩu hàng hóa;
- Mua bán gỗ (từ nguồn gỗ hợp pháp).

### **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

#### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

#### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

#### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là chứng từ ghi sổ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

## 4. Các chính sách kế toán áp dụng

### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
+ Máy móc thiết bị	3 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
+ Tài sản khác	5 – 12 năm

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

- Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng

### 4.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

### 4.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

### 4.9. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.10. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: theo điều lệ của công ty.

### 4.11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phản công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

### 4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Căn cứ Công văn số 830/CT-DN2 của Cục thuế Tỉnh Đồng Nai ngày 10 tháng 05 năm 2006 về việc "Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp", Công ty được áp dụng thuế suất 20% trong 10 năm kể từ khi bắt đầu cổ phần hóa (từ ngày 01/03/2006), được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm bắt đầu phát sinh thu nhập chịu thuế.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

### 4.14. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	335.106.938	298.671.400
Tiền gửi ngân hàng	2.229.905.656	26.321.274.735
Các khoản tương đương tiền	26.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.565.012.594</b>	<b>26.619.946.135</b>

**5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	24.225.016.117	10.898.029.281
Trả trước cho người bán	22.078.835.075	7.312.837.411
Các khoản phải thu khác	12.907.640.309	2.221.887.669
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>59.211.491.501</b>	<b>20.432.754.361</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.801.166.221)	(3.497.319.832)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b>53.410.325.280</b>	<b>16.935.434.529</b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Chi tiết các khoản phải thu khách hàng ở Văn phòng công ty và các Xí nghiệp như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	10.872.918.042	3.904.388.877
Kho vận	339.024.000	-
Xí nghiệp Gỗ Hồ Nai	1.773.657.305	1.773.657.305
Xí nghiệp Ván ép	4.032.918.091	2.575.015.351
Xí nghiệp May Công nghiệp	47.904.929	174.796.023
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	5.990.112.297	1.604.108.786
Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu	1.168.481.453	866.062.939
<b>Tổng cộng</b>	<b>24.225.016.117</b>	<b>10.898.029.281</b>

Chi tiết các khoản trả trước người bán ở Văn phòng và các Xí nghiệp như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Văn phòng Công ty	6.639.872.500	5.725.688.483
Xí nghiệp Ván ép	241.505.950	273.489.561
Xí nghiệp May Công nghiệp	15.197.456.625	1.306.879.367
Xí nghiệp may Đồng Thịnh	-	6.780.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.078.835.075</b>	<b>7.312.837.411</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Phải thu khác tại Văn phòng Công ty</b>		
Phải thu của Ông Phan Trung Kiên	142.500.000	157.500.000
Phải thu của Ông Hà Như Phong	408.638.640	408.638.640
Phải thu của Ông Phan Gia Long	100.697.617	57.000.000
Phải thu Nguyễn Hữu Hiệp	17.420.000	17.420.000
Tiền cổ tức tạm chia	-	793.130.000
Phải thu của Công ty Việt Thuận Thành	11.200.000.000	-
Nộp thừa BHXH	341.768.264	
Phải thu khác	1.531.401	567.001
<b>Phải thu khác tại Xí nghiệp Hồ Nai</b>		
Phải thu của Ông Nguyễn Minh Đức	694.584.387	699.155.387
<b>Phải thu khác tại Xí nghiệp Đồng Thịnh</b>		
Phải thu tiền ứng để thanh toán viện phí CNV	-	77.450.000
Phải thu tiền ứng chi phí xuất hàng	-	9.843.034
Phải thu khác	500.000	1.183.607
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.907.640.309</b>	<b>2.221.887.669</b>
<b>5.3. Hàng tồn kho</b>		
	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.766.798.752	2.063.022.246
Công cụ, dụng cụ	277.278.152	320.604.260
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.086.622.376	6.153.951.831
Thành phẩm	11.427.100.254	10.199.561.419
Hàng hóa	-	44.552.778
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>22.557.799.534</b>	<b>18.781.692.534</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.971.022.742)	(1.186.576.770)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>20.586.776.792</b>	<b>17.595.115.764</b>
Giá trị trích thêm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là 784.445.972 đồng do nguyên vật liệu bị giảm phẩm chất.		
<b>5.4. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	153.118.329	-
Tạm ứng	1.836.025.500	1.556.165.056
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.989.143.829</b>	<b>1.556.165.056</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi tiết các khoản tạm ứng tại Văn phòng Công ty và các Xí nghiệp như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	494.270.337	89.231.416
Xí nghiệp May Công nghiệp	190.645.897	181.454.209
Xí nghiệp Ván ép	-	30.028.600
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	52.115.808	8.000.000
Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu	1.098.993.458	1.247.450.831
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.836.025.500</b>	<b>1.556.165.056</b>

(Phần tiếp theo ở trang 18)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình								
Khoản mục	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng công		
<b>Nguyên giá</b>								
Số dư đầu năm	43.395.352.027	52.117.968.423	5.804.151.209	755.760.748	4.677.883.027	106.751.115.434		
Mua trong năm	-	352.170.000	758.908.181	-	-	1.111.078.181		
Đầu tư XDCB hoàn thành	460.060.798	-	-	-	-	460.060.798		
Trình bày lại	-	1.189.548.881	454.304.636	422.775.626	(2.066.629.143)	-		
Thanh lý, nhượng bán	(18.878.469.325)	(1.942.898.950)	(496.636.190)	(11.000.000)	(422.000.000)	(21.751.004.465)		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.976.943.500</b>	<b>51.716.788.354</b>	<b>6.520.727.836</b>	<b>1.167.536.374</b>	<b>2.189.253.884</b>	<b>86.571.249.948</b>		
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>								
Số dư đầu năm	19.950.169.953	25.301.167.471	1.390.380.611	525.906.383	4.072.467.969	51.240.092.387		
Khấu hao trong năm	1.600.900.026	4.473.063.533	776.562.607	35.364.522	161.644.551	7.047.535.239		
Trình bày lại	-	8.463.112	105.749.661	453.348.117	(567.560.890)	-		
Thanh lý, nhượng bán	(14.410.595.497)	(416.499.015)	(410.413.268)	(11.000.000)	(1.839.354.835)	(17.087.862.615)		
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>7.140.474.482</b>	<b>29.366.195.101</b>	<b>1.862.279.611</b>	<b>1.003.619.022</b>	<b>1.827.196.795</b>	<b>41.199.765.011</b>		
<b>Giá trị còn lại</b>								
Tại ngày đầu năm	23.445.182.074	26.816.800.952	4.413.770.598	229.854.365	605.415.058	55.511.023.047		
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>17.836.469.018</b>	<b>22.350.593.253</b>	<b>4.658.448.225</b>	<b>163.917.352</b>	<b>362.057.089</b>	<b>45.371.484.937</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 8.957.218.587 đồng.  
 Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 8.072.674.702 đồng

**5.6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí xây dựng khu nhà xưởng mới tại Thanh Phú, Vĩnh Cửu, Đồng Nai.

**5.7. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	4.769.201.859	4.769.201.859
Tăng trong năm	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.769.201.859</b>	<b>4.769.201.859</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	3.046.154.709	3.046.154.709
Tăng trong năm	230.331.507	230.331.507
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.276.486.216</b>	<b>3.276.486.216</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	1.723.047.150	1.492.715.643
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.492.715.643</b>	<b>1.492.715.643</b>

**5.8. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	3.708.600.000	3.417.900.000
Đầu tư vào công ty liên doanh	6.875.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	5.600.000.000	-
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>16.183.600.000</b>	<b>3.417.900.000</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>16.183.600.000</b>	<b>3.417.900.000</b>

Đầu vào cổ phiếu công ty con được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Đồng Nai	370.860	3.708.600.000	341.790	3.417.900.000
<b>Cộng</b>	<b>370.860</b>	<b>3.708.600.000</b>	<b>341.790</b>	<b>3.417.900.000</b>

Lý do thay đổi khoản đầu tư vào cổ phiếu Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Đồng Nai:

- Về số lượng: 29.070 (cp)
- Về giá trị: 290.700.000 đồng

Đầu vào cổ phiếu công ty liên doanh là khoản góp vốn với Công ty TNHH Địa ốc Tân Mỹ Hưng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>
Góp vốn vào công ty Cổ phần Đầu tư Phát Triển Tam Phước	4.600.000.000
Công ty CP ĐT & QL Khu Liên Hợp Công Nông Nghiệp Đồng Nai	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.600.000.000</u></b>

**5.9. Chi phí trả trước dài hạn**

Trong năm 2010, Công ty đã kết chuyển toàn bộ chi phí lợi thế thương mại vào chi phí trong năm, số tiền vượt quá chi phí phải phân bổ trong năm là 6.532.507.522 đồng.

**5.10. Vay ngắn hạn**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Vay ngân hàng	1.200.000.000	13.846.000.000
Vay cá nhân	6.107.588.750	5.931.709.240
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>7.307.588.750</u></b>	<b><u>19.777.709.240</u></b>

Vay ngắn hạn ngân hàng Ngoại thương chi nhánh Đồng Nai, mục đích bổ sung vốn lưu động, theo hợp đồng số 20100078/HDTD/SME/NHNT, lãi suất bình quân là 10%/năm, thế chấp bằng máy móc, thiết bị của công ty.

Vay đối tượng khác là các khoản vay cá nhân dưới hình thức tín chấp, chịu lãi suất theo lãi suất của ngân hàng.

**5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Phải trả người bán	4.261.112.913	3.770.540.950
Người mua trả tiền trước	25.483.793.836	12.483.274.114
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>29.744.906.749</u></b>	<b><u>16.253.815.064</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Các khoản phải trả người bán được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	51.030.000	252.498.200
Xí nghiệp Ván ép	545.870.942	616.460.351
Xí nghiệp May Công nghiệp	3.243.495.425	2.352.761.611
Xí nghiệp May Đồng Thịnh	420.716.546	548.820.788
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>4.261.112.913</u></b>	<b><u>3.770.540.950</u></b>

Chi tiết người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Văn phòng Công ty	21.000.000	-
Xí nghiệp Ván ép	158.586.600	26.237.930
Xí nghiệp May Công nghiệp	25.273.150.474	11.258.137.417
Kho vận	31.056.762	49.478.312
Xí nghiệp may Đồng Thịnh	-	1.041.467.362
Xí nghiệp Gỗ Xuất khẩu	-	107.953.093
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>25.483.793.836</u></b>	<b><u>12.483.274.114</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Nội dung	Số còn phải nộp đầu kỳ	Đã nộp trong kỳ	Phải nộp trong kỳ	Số còn phải nộp cuối kỳ
Thuế GTGT	179.148.192	6.820.307.079	6.641.158.887	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	3.242.597.887	3.242.597.887	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	83.070.485	95.130.921	12.060.436
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.737.986.936	3.235.688.646	12.991.908.037	11.494.206.327
Thuế thu nhập cá nhân	13.384.684	143.652.755	206.956.642	76.688.571
Thuế nhà đất		485.048.670	485.048.670	-
Thuế môn bài		9.000.000	9.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.930.519.812</b>	<b>14.019.365.522</b>	<b>23.671.801.044</b>	<b>11.582.955.334</b>

**5.13. Phải trả người lao động**

Là quỹ lương dự phòng.

**5.14. Chi phí phải trả**

Là phần trích trước các chi phí điện, nước tháng 12 năm 2010.

**5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	358.111.402
Cổ tức phải trả	25.290.000	5.594.820.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.060.837.589	13.716.849.219
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.086.127.589</b>	<b>19.669.780.621</b>

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khoản phải trả Công ty Cổ phần Địa ốc Tân Mỹ Hưng	-	9.925.000.000
Phải trả của hàng xăng dầu		108.175.914
Thuế thu nhập nộp hộ	50.399.099	57.914.038
Quỹ trách nhiệm xã hội, quỹ đền ơn	19.943.875	27.217.742
Tạm thu phí đào tạo công nhân	22.506.937	22.506.937
Thu hộ tiền đoàn phí công đoàn	-	15.900.000
Thu hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa	5.152.742	34.543.875
Quỹ trách nhiệm xã hội	21.865.000	82.282.623
Thuế TNCN nộp hộ	11.042.237	25.408.090
Quỹ đóng góp của nhân viên	144.072.623	-
Phải trả công ty TNHH Võ Đắc	200.000.000	-
Phải trả Đỗ Thành Chiết	160.837.931	-
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	3.417.900.000	3.417.900.000
Phải trả khác	7.117.145	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.060.837.589</b>	<b>13.716.849.219</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.510.793.521	1.719.300.524
Trích lập trong năm	8.751.252.240	2.243.189.594
Chuyển từ quỹ khác sang	411.500.000	
Sử dụng trong năm	(2.512.115.289)	(1.451.696.597)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>9.161.430.472</b>	<b>2.510.793.521</b>

**5.17. Vay và nợ dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	-	2.242.000.000
Vay quỹ đầu tư	14.250.000.000	7.950.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.250.000.000</b>	<b>10.192.000.000</b>

Khoản vay Quỹ đầu tư tỉnh Đồng Nai theo hợp đồng số 13/2010/HĐTD/ĐT với hạn mức tín dụng là 9.000.000.000 đồng, mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng của Xí nghiệp Gỗ xuất khẩu Tân Mai giai đoạn 2, thời hạn vay là 63 tháng, lãi suất 11,4%/năm. Tài sản thế chấp là : nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, theo hợp đồng thế chấp số 12/2010/HĐ.

**5.18. Doanh thu chưa thực hiện**

Là khoản khách hàng trả trước về doanh thu cho thuê kho.

**5.19. Vốn chủ sở hữu**

**5.19.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>12.616.277.532</b>	<b>-</b>	<b>59.239.777.532</b>
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	8.823.173.958	8.823.173.958
Chi từ quỹ	-	(468.554.802)	-	(468.554.802)
Trích lập quỹ	-	1.182.317.396	(2.946.952.188)	(1.764.634.792)
Chia cổ tức	-	-	(5.594.820.000)	(5.594.820.000)
Giảm khác	-	(388.500.000)	-	(388.500.000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>12.941.540.126</b>	<b>281.401.770</b>	<b>59.846.441.896</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	40.703.498.786	40.703.498.786
Trích lập các quỹ	-	4.070.349.878	(12.821.602.118)	(8.751.252.240)
Giảm khác	-	(411.500.000)	-	(411.500.000)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>46.623.500.000</b>	<b>16.600.390.004</b>	<b>28.163.298.438</b>	<b>91.387.188.442</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**5.19.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối năm
Vốn góp của Nhà nước	70,14%	32.695.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	29,86%	13.928.500.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>46.623.500.000</b>

**5.19.3. Cổ phần**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	4.662.350	4.662.350
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	4.662.350	4.662.350
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

**5.19.4. Lãi cơ bản trên cổ phần**

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	40.703.498.786	8.823.173.958
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.662.350	4.662.350
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>8.730</b>	<b>1.892</b>

**5.19.5. Phân phối lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	281.401.770	-
Lợi nhuận sau thuế trong năm	40.703.498.786	8.823.173.958
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(2.035.174.939)	(441.158.698)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(2.035.174.939)	(441.158.698)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(8.751.252.240)	(1.764.634.792)
Trích lập Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	(300.000.000)
Chia cổ tức	-	(5.594.820.000)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>28.163.298.438</b>	<b>281.401.770</b>

(Phần tiếp theo ở trang 24)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh**

**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	250.620.125.414	151.294.321.169
Giảm giá hàng bán	-	(362.793.758)
Hàng bán bị trả lại	(64.461.000)	(97.188.360)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>250.555.664.414</b>	<b>150.834.339.051</b>

**6.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	209.286.824.102	126.288.881.057
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	784.445.972	951.002
<b>Tổng cộng</b>	<b>210.071.270.074</b>	<b>126.289.832.059</b>

**6.3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	663.099.241	394.445.230
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	666.027.234	796.142.109
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	5.169.803	-
Lãi bán hàng trả chậm	-	914.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.334.296.278</b>	<b>2.104.587.339</b>

**6.4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.729.027.272	1.536.611.186
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.365.925.269	341.256.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.172.111	181.653.006
Chi phí hoạt động tài chính khác	39.163.678	757.200
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.155.288.330</b>	<b>2.060.277.707</b>

**6.5. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền bán phế liệu	4.795.800	-
Xử lý công nợ	25.693.587	86.465.711
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	56.573.789.091	15.270.500.000
Thu nhập khác	3.000.000	27.705.547
<b>Tổng cộng</b>	<b>56.607.278.478</b>	<b>15.384.671.258</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

**6.6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	147.052.083	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.663.141.850	7.605.573.811
Chi phí khấu hao của tài sản chờ thanh lý	1.212.385.223	-
Chi phí khác	528.281.341	92.621.802
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.550.860.497</b>	<b>7.698.195.613</b>

**6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Số tiền
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	53.708.786.186
+ Trong đó:	
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	2.901.923.397
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>10%</i>
<i>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>	<i>290.192.340</i>
Thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng nhà xưởng	49.543.939.559
Thu nhập tính thuế từ hoạt động khác	1.262.923.230
<i>Thuế suất thuế TNDN hiện hành</i>	<i>25%</i>
<i>Chi phí thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng nhà xưởng và hoạt động khác</i>	<i>12.701.715.697</i>
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>12.991.908.037</b>

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Theo quy định, của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Đồng Nai	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả - xem thêm mục 5.16	(3.417.900.000)	(3.417.900.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b>(3.417.900.000)</b>	<b>(3.417.900.000)</b>

Khoản phải trả này là khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai về tiền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chế biến Hàng Xuất khẩu Đồng Nai.

(Phần tiếp theo ở trang 26)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG HỢP GỖ TÂN MAI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010  
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	260.200.000	176.000.000
Lương Giám đốc	437.264.211	331.188.357
Lương các nhân viên chủ chốt khác	1.422.156.376	1.060.329.035
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.119.620.587</b>	<b>1.567.512.392</b>

### 8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

### 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 02 năm 2011.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THỊ THANH VÂN

GIÁM ĐỐC



LÊ QUÝ HỒNG